

Số: **32** /2022/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **31** tháng **8** năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 70/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 8

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú; Thông tư số 30/2015/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung*

một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường trung học phổ thông chuyên; Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 23 và Điều 24 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 140/BC-BVHXH ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 70/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025**

1. Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 2 như sau:

“c) Học sinh đang hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn khi xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025.”.

2. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 như sau:

“c) Giảng viên, giáo viên được mời giảng dạy, bồi dưỡng đội tuyển tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực, quốc tế phải đảm bảo

tiêu chuẩn đã bồi dưỡng học sinh đạt giải Nhất, Nhì tại các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia hoặc đã bồi dưỡng học sinh đạt giải tại các kỳ thi chọn học sinh giỏi khu vực, quốc tế.”.

### 3. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 3 như sau:

“đ) Hỗ trợ kinh phí cho trường phổ thông dân tộc bán trú tổ chức nấu ăn trưa cho học sinh học 2 buổi/ngày là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này theo định mức khoán bằng 1.675.000 đồng/01 tháng/50 học sinh; mỗi trường được bố trí tối đa không quá 10 lần định mức/01 tháng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học. Trường hợp khi xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 – 2025 thì tiếp tục hỗ trợ kinh phí cho đến hết năm học đang thực hiện.”.

### 4. Bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Hỗ trợ tiền mua gạo, tiền ăn cho học sinh, kinh phí phục vụ nấu ăn cho các đối tượng đang hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP kể từ thời điểm xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 cho đến hết năm học đang thực hiện, bao gồm:

a) Hỗ trợ tiền mua gạo 225.000 đồng/01 tháng/01 học sinh (mức tính 15kg gạo x 15.000 đồng/kg); hỗ trợ tiền ăn 596.000 đồng/01 tháng/01 học sinh và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

b) Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 3.350.000 đồng/01 tháng/50 học sinh; mỗi trường được bố trí tối đa không quá 03 lần định mức/01 tháng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.”.

### 5. Bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Tiếp tục thực hiện chính sách cho các đối tượng tại điểm b, điểm đ khoản 1 Điều này kể từ thời điểm xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 cho đến hết năm học đang thực hiện.”.

**Điều 2. Sửa đổi một số cụm từ tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 70/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025**

1. Sửa đổi cụm từ “*chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư*” thành cụm từ “*chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên, giáo viên không thuộc biên chế của tỉnh Yên Bái*” tại Điều 1, điểm a khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 3.

2. Sửa đổi cụm từ “Đối với chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư, giảng viên, giáo viên” thành cụm từ “Đối với chuyên gia, giáo sư, phó giáo sư, tiến sỹ, giảng viên, giáo viên” tại khoản 2 Điều 2.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX - Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 31 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2022./.

*Nơi nhận:* **tt<sub>2</sub>**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

**CHỦ TỊCH**



**Tạ Văn Long**